



DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.258

## DẤU ẤN SÔNG NƯỚC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TU<sup>1</sup>

Nguyễn Thị Phương Nghi<sup>1\*</sup> và Nguyễn Thị Hồng Hạnh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường THPT Kiên Lương, Kiên Giang

<sup>2</sup>Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thị Phương Nghi (email: nghim2321003@gstudent.ctu.edu.vn)

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/06/2022

Ngày nhận bài sửa: 21/07/2022

Ngày duyệt đăng: 29/07/2022

### Title:

The imprint of the Mekong River Delta in Nguyen Ngoc Tu's composition

### Từ khóa:

Dấu ấn, Đồng bằng sông Cửu Long, sáng tác của Nguyễn Ngọc Tu, sông nước, thực trạng

### Keywords:

Imprint, Nguyen Ngoc Tu's works, Mekong River Delta, reality

### ABSTRACT

The Mekong River Delta has long been considered an invaluable asset and a featured beauty for the Southern region of Viet Nam. The river landscape has become the material for writing by many writers including Nguyen Ngoc Tu. In the pages of Nguyen Ngoc Tu, the Mekong River Delta waterway appears very lively and impressive, both close and familiar when present in each of the food and accommodation of indigenous people, both poetic and attractive to tourists. In particular, those rivers also show a naked reality with grim life scenes and an alarming reality of an environment that is being destroyed. Nguyen Ngoc Tu's composition has raised a critical voice, calling for raising awareness and practical actions to preserve the values of nature in general and the river in particular.

### TÓM TẮT

Sông nước Đồng bằng sông Cửu Long từ lâu được xem là tài sản vô giá và là nét đẹp đặc trưng cho vùng đất Nam Bộ của Việt Nam. Cảnh sông nước đã trở thành chất liệu cho sáng tác của nhiều nhà văn, trong đó có Nguyễn Ngọc Tu. Trong những trang văn của Nguyễn Ngọc Tu, sông nước Đồng bằng sông Cửu Long hiện lên hết sức sinh động và ấn tượng, vừa gần gũi, thân quen khi hiện diện trong từng nếp ăn, ở của người địa phương vừa nên thơ, mê hoặc như níu chân du khách. Đặc biệt, bên những dòng sông ấy còn hiện lên một thực trạng đáng báo động của một môi sinh đang bị hủy diệt. Sáng tác của Nguyễn Ngọc Tu đã cất lên tiếng nói phản tỉnh, kêu gọi việc nâng cao ý thức cùng những hành động thiết thực để bảo tồn những giá trị của tự nhiên nói chung và sông nước nói riêng.

## 1. GIỚI THIỆU

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ lâu đã được biết đến là một vùng đất mới được khai phá, có hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt. Sông nước đã mang đến những giá trị vật chất dồi dào cho người dân vùng đất Chín Rồng, khiến họ “thành thơ, vừa làm vừa chơi cũng đủ ăn” (Nói theo Sơn Nam). Trong văn học nghệ thuật, sông nước đã trở

thành nguồn cảm hứng bất tận trong sáng tác của các nhà văn như Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Đoàn Giỏi,...và sau năm 2000 nổi bật lên là Nguyễn Ngọc Tu.

Sinh ra và lớn lên ở vùng Đất mũi Cà Mau, với sự trải nghiệm cuộc sống phong phú của một nhà báo, nhà văn, Nguyễn Ngọc Tu đã phản ánh con

người và miền đất Chín Rồng một cách khá toàn diện và sâu sắc. Trong những trang văn của chị, hình ảnh sông nước thường xuyên xuất hiện như một lẽ dĩ nhiên, ngay trong tựa đề các tác phẩm: tiểu thuyết *Sông*, truyện ngắn *Cỏ con thuyền đã buông bờ*, *Không ai qua sông*, *Chút tình sông nước*, *Bến đò xóm Miếu*, *Lý con sáo sang sông*, tản văn *Nhớ sông*, ... Sông nước, do vậy, đã trở thành một biểu tượng xuyên suốt trong các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Tuy nhiên, bên cạnh vẻ đẹp của “*hình tượng con sông đưa mình uốn khúc, chở nặng tình người*” (Điều, 2006, tr.1), sông nước ĐBSCL trong những trang văn của Nguyễn Ngọc Tư đối diện với hàng loạt các vấn đề nghiêm trọng như nhiễm phèn, bị xâm nhập mặn, lưu lượng nước thay đổi, ngập úng, sạt lở, ô nhiễm nguồn nước,... Nếu như văn chương cũng mang sứ mệnh thức tỉnh ý thức, đạo đức của con người về vấn đề môi sinh, thì những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đã rất tích cực thực hiện trong trách ấy.

## 2. DẤU ẤN SÔNG NƯỚC VÀ SỰ PHẢN TƯ VỀ HIỆN TRẠNG SÔNG NƯỚC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ

### 2.1. Dấu ấn sông nước Đồng bằng sông Cửu Long trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư

#### 2.1.1. Sông nước – dấu ấn tự nhiên của Đồng bằng Sông Cửu Long

Qua những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, sông nước Cửu Long hiện lên như những mạng nhện chỉ chít, chông chéo và dày đặc: “*Kinh rạch thì giăng giăng*” (*Chợ trôi*). Mỗi con sông lại sinh ra con rạch nhỏ, mỗi con rạch nhỏ lại rẽ ra các mương, ngòi. Dòng chảy sông ngòi cũng rẽ theo nhiều hướng, vô tận: “*đi mãi vẫn thấy nước chảy và nước chảy*”, vô cùng đến mức khiến những người du khảo phải choáng ngợp bởi “*chiếc ghe đưa chúng tôi đi từ khúc hát này đến khúc hát khác vì sông rạch chằng chịt, chúng tôi không thể quay lại thị xã trong ngày*” (*Của ngày đã mất*).

Vùng ĐBSCL có lượng nước đổ về trung bình khoảng bốn nghìn tỉ mét khối nước mỗi năm và cung cấp lượng phù sa mỗi năm lên đến hàng trăm triệu tấn cho vùng đất non trẻ, khiến người dân Đất Mũi “*vẫn cái giọng lạc quan*” bảo nhau rằng: “*nếu cứ cái đà phù sa bồi đắp, vài chục năm nữa đất liền của xứ mình có khi nối với Malaysia. Lúc đó nếu còn mạnh giỏi tao sẽ ngồi xe đò qua bến chợ*” (*Nước mặn*). Có thể nói, sông nước không chỉ đơn thuần mang đến những giá trị về vật chất mà còn thấp thêm hi

vọng, nhen nhóm những mơ ước hồn nhiên và táo bạo của người dân nơi đây.

Con nước là hiện tượng nước lên xuống tùy theo chu kỳ. Đây là một trong những điểm đặc trưng và nổi bật nhất của miền sông nước, thể hiện qua nhiều khái niệm dân gian khác nhau: nước ròng, nước rông, đỉnh nước, nước giặt, nước kém, ... Thời gian gần đây, khí hậu toàn cầu biến đổi nhanh chóng làm cho lưu lượng, hoạt động nội tại của sông nước cũng thay đổi ít nhiều. Điều này đã được Nguyễn Ngọc Tư ghi nhận qua những tác phẩm của mình: “*cứ mỗi năm nước đuối lại tới sớm hơn, mùa mỗi năm mỗi dài hơn*” (*Nước như nước mắt*), “*nước chảy bắt chấp những đường biên. Sao giờ mùa cứ chông lấp khó chịu, mưa nắng cứ nhằng nhịu, đang nắng mà mưa rông rông*” (*Sông*). Những kinh nghiệm tích lũy bao tháng năm giờ đây tỏ ra không còn đúng nữa trước những đổi thay khó lường của tự nhiên.

Trong trang văn của Nguyễn Ngọc Tư, những dòng sông thường mang dáng vẻ hiền hòa, yên ả với những cuộc chảy trôi xuôi ngược của mình: “*một dòng sông lẻ, chảy hiền, dáng vẻ hơi hiu quạnh như thể ở bên rìa đời, không nhiều người biết, không nhiều người qua lại nhưng nó vẫn sống tất tả một đời sông*” (*Rạch Rập*). Dịu êm là vậy, không hiềm khích, cũng chẳng biết phân bua là vậy nhưng cũng có lúc chúng mạnh mẽ, huyền bí và dữ dội đến mức có thể làm tắt ngấm một đời người, cướp đi sinh mạng của người mẹ, khi đứa con nhỏ còn chưa biết má nó mặt mũi như thế nào, hơi ấm ra sao: “*Hôm đó, trời mưa nhỏ nhưng gió nhiều, gió tạt tay chèo liêu xiêu. Nước từ vàm sông cuộn cuộn đổ ra. Chiếc ghe bạt nước tấp vô xà lan chờ cát*” (*Nhớ sông*), hay những ngày dòng sông lên con gịan dữ đã đưa đưa trẻ từ giấc ngủ trần gian về bên kia thế giới: “*Trên cái đệm cao su rách rã trôi qua có một em bé chừng hai tuổi nằm như ngủ, nước sấm sập đến vành tai. Nửa dưới để truồng, da xanh ngắt. Cậu không khóc được, khi ôm xác em nhỏ trên tay*” (*Sông*). Trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, sông sẵn sàng dâng tặng tất cả cho con người nhưng chúng cũng có thể lấy đi tất cả từ họ: “*Nó dào dạt theo cách riêng của mình, bằng cách luôn sâu vào lòng đất. Không ai hay sông Di trả đũa cho đến khi những ngôi nhà lần lượt đổ vào sông, sau những trận mưa dầm*” (*Sông*). Sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư thể hiện tương đối đầy đủ đặc trưng của sông nước vùng ĐBSCL, dòng thời, chúng ta cũng không thể phủ nhận những tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu đến tự nhiên.

Dưới ngòi bút của nhà văn, vùng đất ĐBSCL hiện lên là một mảnh đất màu mỡ với kênh rạch chằng chịt, lưu lượng nước dồi dào và không ngừng

được phù sa bồi đắp. Song song đó, quá trình biến thiên về môi sinh cũng gây nên những biến đổi thất thường của lưu lượng nước và dòng chảy.

### 2.1.2. Sông nước – dấu ấn văn hoá của cư dân Đồng bằng Sông Cửu Long

Theo Trần Ngọc Thêm, văn hóa là “*một hệ thống giá trị mang tính biểu tượng do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác với môi trường tự nhiên và xã hội của mình*” (Thêm, 2012, tr.56). Chính quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác với môi trường tự nhiên đã hình thành nên những tập quán, từ nếp ăn ở, đi lại, cho đến giao thương, và cả đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người dân ĐBSCL.

Theo Nguyễn Tri Nguyên, trong bài viết *Văn minh sông Cửu Long – một cấu trúc mới của văn minh sông nước*, văn minh ĐBSCL được mệnh danh là văn minh sông nước khi cư dân không lấy trị thủy làm trọng mà rất chú ý trong việc làm thủy lợi kết hợp với mở mang giao thông đường thủy. Việc tận dụng tối ưu mặt nước đã tạo nên tổ hợp văn minh sông nước đặc trưng ở vùng đất này: văn minh lúa nước, văn minh kênh rạch, văn minh cảng thị, văn minh chợ nổi.

Chính vì sông ngòi chằng chịt nên phương tiện giao thông của người dân Đồng bằng Sông Cửu Long chủ yếu là xuồng, ghe,... Nhà văn, nhà văn hóa Sơn Nam từng cho rằng: “*Ngoài con trâu giá cao, ít ai sắm nổi, tương đương với 100 gạ lúa – chiếc xuồng là công cụ quan trọng: “sắm chiếc xuồng để làm chân”. Nhà cửa bám vào bờ sông rạch, nếu trước nhà là bãi bùn khá dài với đừa nước và rặng bần thì luôn luôn có đào mương nhỏ, xé ngang bãi để xuồng vào đậu sát bên nhà*” (Nam, 1985, tr.31). Xuồng, ghe cũng thường xuất hiện trong văn chương Nguyễn Ngọc Tư để đảm nhận vai trò chuyên chở. Nhân vật Lương trong truyện ngắn *Bến đò xóm Miếu* gắn mình với mái chèo đưa khách sang sông, gia đình Chín trong *Nhớ sông* cũng sống đời trên ghe và mưu sinh bằng việc bán hàng bông. Thời gian thu hoạch lúa diễn ra vào cuối mùa nước lụt nên cư dân phải dùng xuồng bè để vận chuyển theo dòng nước. Có những món nợ tiền từ mùa trước được quy trả bằng lúa cũng theo nhịp chảy của sông mà đến nhà người cho vay: “*mùa gặt người ta chờ lúa mới qua con đập trước nhà chú Mười Ba, trên chiếc xuồng khảm lừ có phần dùng để thanh toán nợ nần cho chú*” (*Cuộc điểu hành lặng lẽ*). Cảnh sông nước hữu tình cũng giúp cho công việc của người thương lái trở nên dễ chịu, vì lẽ đó, họ cũng trở nên dễ thương: “*Đường như những chuyến mua lúa lang thang trên những con sông, trên những dòng kinh xa*

*thăm đã làm người ta trở nên chân tình và cởi mở*” (*Bụi ngọt*). Sông nước còn là nơi trao đổi, giao thương nhiều hàng hóa khác: “*Chợ họp trên một bờ kè cũ kỹ nằm dọc theo bến sông. Ai ngồi bán chỗ nào thì xuống ghe buộc vô cái cọc đằng sau lưng*” (*Có con thuyền đã buông bờ*), “*chiếc ghe tưởng nhỏ mà hời gì cũng có*” (*Chợ trôi*). Trên ghe, xuồng bán đồ gì, người ta treo thứ đó lên chiếc sào dài chừng năm đến bảy mét, từ trái bầu, trái khóm, đến con cá, cây kim hay cuộn chỉ. Cách giới thiệu độc đáo này, người dân quen gọi là “*bẹo*”, thay cho những lời rao mời, vậy gọi khách từ xa ghé lại mua sắm. Ngày nay, người đọc vẫn có thể tìm đến những chợ nổi như thế, như chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Cái Bè, chợ nổi Ngã Bảy, chợ nổi Ngã Năm, chợ nổi Trà Ôn,... để được một lần trải nghiệm chuyện mua bán trên sông nước.

Bên cạnh những dòng sông mênh mông phải cậy nhờ xuồng ghe kết nối đôi bờ là các mương rạch gắn kết tình chòm xóm: “*Mùa khô, mương cạn lông, không cần cầu tre, tụi nhỏ chỉ phóng vèo đã qua vườn khác. Lúc bà mẹ kêu ời đừa trẻ vẫn còn lẩn lóc đất lảng giềng, nhưng nó lên tiếng dạ thì đặt chân bờ liếp nhà mình*” (Mương rộng hào sâu). Con rạch giữa những ngôi nhà trong xóm không làm họ xa nhau mà gắn họ ngày một chặt hơn, bền bỉ và thắm thiết hơn: “*Những thứ cây mọc bên hai bờ mương không quan tâm đó là biên giới, tầng lá đan vào nhau. Gốc ổi sế vườn kia vẫn vô tư rụng trái chín vườn này. Rau muống, cần nước mọc chen nhau, nhà nào muốn ăn này hái. Bầy gà cứ bay qua bay lại, bọ đậu để đó, gốc chuối đống rom, không quan tâm chuyện trứng nằm vườn nào mới phải...*” (Mương rộng hào sâu). Mọi thứ cứ hòa nhập vào nhau, sông, rạch, lảng, hào, mương cứ chen chúc, quấn quýt với đời sống sinh hoạt con người.

Sông nước ưu đãi, “*thiên vị*” cho người dân ĐBSCL vô số sản vật nên có lẽ tính hào sảng của họ phần nào cũng bắt nguồn từ đó. Người dân sinh sống chủ yếu dựa vào nguồn sống trời ban. Khi được khách tham quan hỏi chiều nay ăn gì, ông Cà Bi đã hồn hậu trả lời: “*Còn cá mắm há, chắc, cần thì chống xuồng qua Trảng Sen thiếu cha gì*” (*Ông Cà Bi ở Xẻo Quao*). Đứa cháu nhỏ trong *Tiếng dội của xa xôi* cũng dần lớn lên, hoàn thiện khi được dung dưỡng bằng tất cả tinh hoa mà sông nước mang lại - “*Nó phổng phao từng ngày với tôm cá ông già đặt đó dưới sông*”. Với những năm lúa đồng chết trắng, người dân khốn đốn vì lo lắng cho cái ăn cái mặc mùa tới thì chính những con nước đã cứu họ khỏi nhọc nhằn: “*nước lên lé để mặt lộ, người ta đánh bắt cá linh còn đông hơn đi coi hát ngoài đình*” (*Những chân trời khép*).

Đi vào trang văn của Nguyễn Ngọc Tư, những sản vật tự nhiên ban tặng không chỉ phong phú mà đôi khi còn là những đặc sản độc nhất vô nhị. Với ốc Bụt Đồng Nang, “*ăn chúng một lần ở Ngọc Viễn Đông, ngan ngát mùi gì đó gần như nhụy sen lẫn trong bùn non. Mùi gì gần như một cuống hoa ngâm nước. Mùi gì còn giống nhựa cây còn ướt. Cậu nhận ra được từng ấy thôi, những mùi khác cứ lẫn vào ngan ngát*” và “*Thương lái người Hoa Bắc than vãn ốc Bụt Đồng Nang ngày càng nhỏ (...) Ốc đất như vàng, đất vì huyền thoại và vì bọn lái buôn Hoa Bắc. Món gì họ săn lùng đều trở nên đắt đỏ*”. Hay loại rượu “*cát từ nước sông Di, hương vị đặc biệt, không đầu có. Rượu chỉ nấu được vào mùa thu, mùa thu lá rụng xuống dày đặc sông. Lá vừa trôi vừa rã ra, ngấm vào nước, cho ra những mẻ rượu thảo mộc lạ lùng*” (Sông).

Nhắc đến sông nước mà không nói tới những câu ca, điệu hò thì quả là một thiếu sót. Thường ngoạn sông nước thì phải lắng nghe vài ba điệu hò chèo ghe, hò mái đòan, hò mái trường, mái nhất, mái nhì,... thứ âm thanh không cần đàn đệm mà vẫn nhẹ nhàng đi vào lòng người bởi sự nhịp nhàng lên xuống của mái chèo, cùng những cái nhịp chân của khách thập phương hòa vào tiếng hát vang dội trên khúc sông yên ả, mênh mông, thoáng đạt. Điệu hò sông nước miêu tả cuộc sống đời thường, bình dị luôn thấm trên đôi môi người lao động dù nắng mưa tất tả, làm nên nét đẹp văn hóa, một thứ nghệ thuật tuyệt diệu: “*Bìm bịp kêu nước lớn ại ơi, buôn bán không lời chèo chông mái mề*” (Tiếng dội của xa xôi); là tiếng vọng xa xăm trong hồi ức của đứa cháu về những buổi trưa hè bị bắt ngủ trưa, tiếng hát ấy làm “*bài hoải*” cả tâm hồn non trẻ. Những câu hát vui còn tạo nên tiếng cười rộn cả một khúc sông: “*Phụ mẫu đánh em quạt què quạt quại. Treo em lên tại nhánh bần. Rủi mà đứt dây rớt xuống em cũng lần theo anh...i...a*” (Của ngày đã mất). Hay những câu hát “*đưa tang*” cho tình yêu, thứ tình yêu từ thuở hồn nhiên cho đến lúc trưởng thành. Câu hát như một lời tiễn biệt của trái tim thổn thức, rỉ máu của nhân vật Phi: “*Ồ.. ở... Ai xui mà con sáo cái nò sang sông cái nò sang sông. Cho nên mà con sáo... ở... ở... số lông cái kia bay xa cái kia bay xa, cái lý em ở, cái lý chàng đi...*”. Ai đưa con sáo của Phi sang sông? Bài *Lý con sáo* nghe sao đứt ruột. Những âm thanh thân sâu ấy không phải tự nhiên mà có, với Phi, nó là sự gắn kết với sông nước, nơi sinh ra và di dưỡng tinh thần anh, tạo độ dày, khắc khoải cho giọng hát của anh: “*Thôi, giọng ca tao, thiếu sông thiếu nước, coi như hết hay rồi*” (Lý con sáo sang sông). Việc sử dụng chất liệu dân gian đưa vào các sáng tác, nhà văn Nguyễn Ngọc Tư tạo nên xúc cảm

khó quên trong lòng người đọc. Những câu hát quen thuộc nay càng da diết hơn trong việc lột tả nội tâm con người, nơi mà đôi môi không thể thốt thành lời.

Sông nước cũng đi vào tín ngưỡng của người dân với những câu chuyện nửa hư nửa thực nhưng vô tình giúp con người sống vững vàng, thanh thản hơn. Sông nước chính là khởi thủy của sự sống. Từ lâu, người Việt đã có tục thờ Nước (Mẫu Thoải) ở miền Bắc. Nước, do đó, đã là một cổ mẫu trong văn chương, tượng trưng cho sự sinh sôi. Trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư, niềm tin ấy trong nhân dân vẫn còn nguyên vẹn. Tính nữ của sông không những được thể hiện qua từ “*con*” sông, mà có khi còn được suy tôn ở cách gọi “*bà*”: “*Cậu hiểu vì sao cư dân ngã Chín gọi sông là bà. Nin nhịn và dịu dàng, khéo léo và có vẻ vô hại, nhưng đầy thù hận và hung hiểm*” (Sông). Thậm chí, sông còn trao cho những người khao khát làm cha, làm mẹ một niềm hi vọng: “*Má chồng Sáo hỏi còn sống thường thất thểu nói vợ chồng nào hiếm muộn con cái nuốt mật cặp cá Bạc Đầu thể nào cũng cần thai*” (Nước như nước mắt). Sự ra đời của một đứa trẻ hay việc khai sinh ra những cái tên cũng có vết tích từ sông nước: “*thằng nhỏ đầu bư gật gù nói nó cũng nghe người ta đồn dãi về con trai Hà Bá. Mẹ nó cắn bầu sanh sau trận lụt, sinh nó ra vào một trận lụt khác. Rón nó được cắt bằng miếng chai sành, vì gấp rầy chạy lên gò không ai mang theo dao, kéo. Sinh giữa lụt năm Dân nên nó mới tên Hùm. Lẽ ra phải tên Lụt nhưng có một con nhỏ sinh trước nó vài giờ hớt mất cái tên để nhớ đó*” (Sông). Người dân Nam Bộ còn tin rằng đặt tên con là *Giang*, là *Thủy*, là *Lụt* cho gần gũi với sông nước nhằm dễ nhớ, dễ nuôi và dễ sống. Khi người ta lớn lên, sông còn mang cả dáng vóc của người yêu, là tiếng gọi thân thuộc, gần gũi, âu yếm dành cho nhau - “*Bên Sông ngủ đi, Nguyên canh cho*” (Ngón ngang), để rồi đó cũng có thể là nơi cuối cùng để trở về của đời người: “*Nửa đêm có vạt rừng rừng rùng rờ ra biển, trên đó có khi có cả một cái xóm, người ta và chó và gà (...). Càng trôi xa nó càng chìm từ từ. Thím thấy chú tụi bây leo mút đọt cây để khô ướt, nhưng rớt cuộc cũng chìm lìm theo rừng. Bà già kể, chi tiết liên quan đến hình ảnh cuối cùng của chồng (...), giọng bà cứ rung lên vì khoái cảm, mắt lìm đim tề mề*” (Sông). Sông nước có mặt mọi lúc trong hành trình của đời người và thật sự đã trở thành một điều thiêng liêng trong tín niệm của cư dân đất Chín Rồng.

Bằng những sáng tác với dung lượng không quá dài, Nguyễn Ngọc Tư đã bày lên trang viết những đặc trưng, ấn tượng về sông nước với đầy đủ đường nét, hình vóc, tính cách, đến vai trò đối với đời sống vật chất và tinh thần của người dân ĐBSCL, qua đó,

khẳng định vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt, tiềm tàng của sông nước trong đời sống hiện thực và đời sống văn chương.

## 2.2. Sự phản tư về hiện trạng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long trong sáng tác Nguyễn Ngọc Tư

### 2.2.1. Hiện thực cuộc sống của cư dân gắn với sông nước ở Đồng bằng sông Cửu Long

Thiên nhiên từng được tôn thờ trong văn học dân gian và từng được đề cao, mỹ hóa trong chủ nghĩa lãng mạn. Với cảm quan hiện thực, các thế hệ nhà văn đi trước từ lâu đã nhận thấy rõ điều kiện tự nhiên vùng đất cực Nam của Tổ quốc không phải hoàn toàn được ưu đãi, đời sống của người dân ĐBSCL không phải lúc nào cũng an nhàn, hường thụ. Sơn Nam từng cảnh báo: “*Đồng bằng sông Cửu Long và miền Hậu Giang với nếp sống cực khổ nhưng nhân hậu*” và “*Chúng ta nên nhìn kỹ và tránh những ảo tưởng cho rằng đồng bằng sông Cửu Long quá phì nhiêu. Ở vùng đất rộng này có nhiều “tiểu hình thể khác nhau”: nơi nước mặn, nước phèn, nơi nước ngọt; nơi ngập lụt gần như sinh lây mãi năm, nơi cao ráo; nơi làm ruộng làm vườn được, nơi thì hoang vu, cỏ lác, dung, cỏ năn mọc lưa thưa*” (Nam, 1997, tr.9). Vì lẽ đó, nhà văn không thể chỉ biết chiêm ngắm, ca ngợi những cảnh tượng thiên nhiên mỹ lệ hay thi vị hóa tự nhiên một cách chủ quan mà cần thấu suốt hiện thực cuộc sống được cất giấu dưới những bức tranh phong cảnh ấy.

Bằng sự nhạy bén của người phụ nữ cùng vốn sống phong phú của một nhà văn, Nguyễn Ngọc Tư không bỏ sót bất kì góc khuất nào về đời sống của người dân miền sông nước, với những thăng trầm trong hiện thực cuộc sống và cả biến động về tâm hồn. Với tâm lý “*nước tới đâu mình theo tới đó, hơi đâu mà lo*” (Mùa mặn), người dân ĐBSCL ăn nhờ ở đậu dòng sông để rồi khi chết đi, họ cũng gọi tấm thân vào dòng nước. Sông sâu nước cả cũng tiềm ẩn không ít rủi ro, tai họa. Gió mạnh, sóng dữ trên sông có thể vô tình hay cố ý chôn vùi những số phận bất hạnh. Khúc sông gọi những kỉ niệm khó phai, kỉ niệm về tuổi thơ khi còn có má, nhưng lại là nỗi đau khôn xiết, vết cắt sâu rí máu mà cả cuộc đời nhân vật Giang mang theo bên mình cùng với đứa em gái không một chút nhớ hay ấn tượng gì về má: “*Nước từ vàm sông cuộn cuộn đổ ra... Giang thấy rõ ràng, lúc cây sào trong tay má đang chới vào thành xà lan trượt hớt lên, má ngã xuống, đầu má đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bấu vào ghe. Rồi má cong lại như chiếc võng, hụp vào sông*”, “*Má chết chỗ này nè*” là câu nhắc nhớ đau lòng nhất về hình ảnh cuối cùng của má trong Giang, gọi cho đứa em gái nhỏ

biết rằng má vẫn ở đó với sông, má ngập sâu vào sông và sông sẽ ôm ấp, che chở cho nỗi đau của má (Nhớ sông).

Khách phương xa đến có khi chỉ nhìn thấy sự thi vị bề ngoài của cuộc sống lênh đênh, trôi nổi mà không dễ thấu thị bao nỗi nhọc nhằn, thiếu thốn: “*những chiếc ghe hàng bông neo lại bên rặng mắm nấu cơm chiều om lên vài lọn khói còm nhom*” (Rạch Rập), “*Bé lom khom rửa chén, thứ nước sông mà khi này cậu thấy chị dùng để nấu cơm, kho cá, thứ nước cậu đã tè vào và đang tắm táp, chị bảo “mấy đứa chơi gì mà ác”. Cô áo chị thấp thoáng hai bầu vú héo khi vói tay khóa nước*” (Sông).

Cuộc sống trên sông yên ả, từ những sinh hoạt hằng ngày đến việc cười nhau và sinh con đẻ cái, cảnh tượng nêu nhìn từ xa kẻ cũng có phần thi vị, gọi nhớ đến vẻ đẹp như bức tranh mực Tàu của một danh họa thời cổ trong *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu. Thế nhưng đâu đó trên những chiếc thuyền trôi bồng bềnh trên sông nước ấy là nỗi nhọc nhằn mưu sinh, là những cuộc đời không biết đi về đâu, trẻ con sẽ học hành như thế nào: “*... Cũng phải, lúc đó con Thủy còn mềm xèo, nhỏ xíu như con mèo mướp. Hệt như Giang, nó lớn lên trên ghe. Lúc buôn bán, lúc nấu cơm, ông Chín không bông được, Giang buộc sợi dây dù vô chân nó, đầu kia Giang buộc vô mũi ghe. Con Thủy bò chán bò chê rồi nằm giữa ra, ngó những trái cà, trái khóm, trái bí, bầu ông Chín treo lúc liu trên nhánh chà đằng mũi ghe. Có lẽ nó biết thân mình mồ côi mẹ nên nó dễ chịu, dễ tánh*” (Nhớ sông). Đến cuối truyện, niềm ước mơ âm thầm, cháy bỏng của ông Chín đã được bộc lộ khi ông “*lấy từ trong túi ra từng chiếc khâu vàng óng ánh*” quyết định mua miếng đất, mỗi ngày cuộc đất trồng rau, có gì ăn nấy. Lời ông Chín nói với người vợ quá cố khiến người ta không khỏi xót xa: “*Còn bà, bà đã thành nước, thành đất, thành cỏ thành cây, cha con tui ở đâu, xin bà theo đó. Đám cháu chắt chít của mình rồi sẽ chẳng phải chịu lênh đênh*” (Nhớ sông).

Vẫn còn đó câu chuyện của gia đình cha con Út Vũ phải chạt vật trên “*chiếc ghe, cánh đồng, dòng sông thênh thang mãi*” trong *Cánh đồng bất tận*. Những đứa trẻ tên Nương, tên Điền mà cứ khắc khoải cùng nỗi nhớ nhưng những cái cây mình đã từng trồng và bỏ lại trên một bờ bãi nào đó. Những buổi chạy chơi ngoài sân nhà trở nên xa vời và được đến trường trở thành những ước mơ, khát khao mãnh liệt trong tâm hồn chúng: “*Hai nhớ trường học quá à, cung (...)* Đêm nay, tôi sao thế này? Vì nhìn thấy niềm hy vọng ư?” (Cánh đồng bất tận).

Nguyễn Ngọc Tư đã không tự lừa dối mình và đánh lừa bạn đọc khi chị không ngại hé lộ hiện thực phũ phàng của những kiếp sống long đong gắn liền với sông nước. Đó là hiện thực cuộc sống mưu sinh cơ cực phụ thuộc vào thiên nhiên, vì thế trở nên bấp bênh, nhiều rủi ro. Dầu thế, khát vọng về một cuộc sống ổn định, tươi sáng vẫn không ngừng được thấp lên trong tâm hồn những người dân nơi đây. Cuộc sống của người dân vùng sông nước Cửu Long nhờ đó trở nên gần gũi và chân thực hơn trên trang viết của “đặc sản miền Nam” (Cách gọi của Trần Hữu Dũng).

### 2.2.2. *Thực trạng báo động về vấn đề môi sinh của sông nước Đồng bằng sông Cửu Long*

Bước sang kỉ nguyên hiện đại, thiên nhiên mất dần vị trí của nó trong nền văn minh kĩ trị. Chỉ khi ý thức được những thành tựu khoa học có nguy cơ xóa sổ sự tồn tại của chính mình, con người bắt đầu phê phán, phản tư và “hoài nghi” (Thy, 2017, tr.81). Và trong cảm quan đạo đức sinh thái đó chính là sự trở lại và nối dài diễn ngôn lãng mạn về tự nhiên. Con người biết trân trọng vẻ đẹp của tự nhiên hơn, đồng thời nâng cao ý thức bảo vệ chúng. Viết về sông nước Cửu Long, nhà văn một mặt tìm kiếm, phát hiện vẻ đẹp nguyên sơ của nó, đồng thời thấy được những ảnh hưởng tiêu cực mà thiên nhiên đang phải hứng chịu, qua đó, dự báo được những viễn cảnh đen tối mà con người sẽ phải nhận lấy nếu không thức tỉnh và hành động kịp thời. Vấn đề sông nước ĐBSCL hiện lên đa chiều và có sức ám ảnh mạnh mẽ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư.

Diễn ngôn về tình trạng nhiễm phèn, xâm nhập mặn, hạn hán, lụt kéo dài, cái chết của sông nước cứ được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Các luồng lạch cứ mỗi năm lần sâu vào cánh đồng lúa nổi, xung quanh mênh mông những nước là nước: “mùa nước đúoi bắt đầu từ giữa tháng Giêng. Ngó nước bắt đầu linh đình bờ bãi, người ở xóm Rẫy thờ dài ứ hự, chắc năm sau ăn tết trên ghe” (Nước như nước mắt). Sự xâm thực của biển vào đất liền khiến cho: “những con cá nước đục còn sót lại, ốm ròm, trên mình đầy ghẻ lở”, đôi cá Bạc Đầu cũng “chạm râu vào nhau khê khàng, như ấu yếm, như đờ đẫn, như dụ dằng như lại kiệt sức”. Con người dường như cũng “mệt mỏi và đúoi sức như con cá nước đục khắc khoải sống với cái vị mặn mòi xa xót của biển” (Nước như nước mắt). Hết xâm nhập mặn là khô hạn, nhiễm phèn. Trong truyện ngắn *Cánh đồng bắt tận*, hiện thực chính là sự bất lực của con người đối với mùa hạn “nóng bỏng, bắt thường”, “những con kinh khô trơ lòng” và những dòng nước ngọt cuối cùng cũng vẳng phèn, “một lớp

phèn mới, vàng sẫm quánh lại”, một màu vàng của sự héo úa, chết chóc, hoang tàn. Người dân phải “đi mua nước ngọt bằng xuống chèo, nín thở để nước khỏi sánh ra ngoài... tụt xuống ao tắm tấp thử nước chua lét vì phèn, rồi xối lại dùng hai gàu. Nước vo cơm dùng để rửa rau, nước rửa rau dành rửa cá”. Việc tận dụng tối đa nguồn nước vì thiếu nước ngọt trầm trọng nghe có vẻ bất hợp lí khi nói đến vùng sông nước ĐBSCL nhưng đó là sự thực đau đớn. Nghịch lí này thật đáng mỉa mai: “Chúng tôi dùng chân ở một xóm nhỏ bên bờ sông lớn mênh mang. Mía mai, người ở đây lại không có nước để dùng” (*Cánh đồng bắt tận*). Song hành với nhiễm mặn, nhiễm phèn là tình trạng lũ lụt, sạt lở. Theo một báo cáo khoa học, biến đổi khí hậu cùng những ảnh hưởng của chúng đến “sự biến đổi mực nước Đồng bằng sông Cửu Long trong 30 năm qua và tính trung bình thập kỷ tại 11 trạm thủy văn chính cho thấy rõ bức tranh chung là đỉnh lũ tăng lên rất rõ ở hầu hết các vùng cuối nguồn, tăng không đều ở các vùng đầu nguồn” (Minh, 2015, tr.133). Quá trình biến đổi này đã gây nên những thiệt hại về vật chất và lẫn tinh thần: “Đoạn sông phía trên hay bị lở đất, mang nhiều thứ trôi ngang qua ngộ lắm. Nhiều lúc em ngồi thăm thấy nguyên một giẻ cỏ trôi, trên đó có bầy kiến vàng chạy ngược chạy xuôi, thương gì đâu. Con chuồn chuồn đồ vừa rồi bay ngang, anh có thấy cánh nó bị rách không?” (*Sông*). Sẽ không cường điệu nếu nói rằng, sự mất mát về vật chất và tinh thần chính là tổn thất của chung muôn loài, không riêng gì của con người khi Đất mẹ bị hủy hoại. Bức tranh sông nước trong *Cánh đồng bắt tận* hay *Sông* là những tiếng réo gọi tha thiết, có phần giận dữ của thiên nhiên nước khi đứng trước sự tàn phá của con người.

Khi xã hội phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, cùng với sự nhảy vọt của ngành dịch vụ thì du lịch sông nước trở thành tâm điểm chú ý và hướng khai thác tiềm năng. Nhiều người muốn tìm lại một chút ký ức tuổi thơ, lắng nghe tiếng mái chèo hòa cùng câu hò điệu hát, nhìn giọt nước nhỏ ra từ gong vó, ngắm bông lục bình trôi vô định, hay đơn giản là lắng nghe tiếng chân khóa sâu vào làn nước mát thơm rêu và đắm mình vào chúng. Đánh vào thị hiếu ấy, người ta thi nhau làm du lịch, biến sông nước thành một thứ dịch vụ hái ra tiền. Nhưng thay vì biết khai thác thế mạnh, vẻ đẹp của tự nhiên bằng tất cả sự hiểu biết lẫn lòng biết ơn thì con người lại thờ ơ với thiên nhiên: “Thằng người lừ đừ ra chòi vó, chạm râu dài một phà như chó đánh dấu lãnh thổ, và nói với ông già, từ giờ chỗ này của tui. Ông già không buồn chửi, xách chai rượu về. Thằng con hút xong điếu thuốc, búng tàn lại sau lưng, hững hờ cất vó, không

đếm xia coi có thứ chi ngoài rác nằm trong lưới” mà vốn dĩ ngày trước nó đã từng trách cha nó - “*cái điều bộ tơ mớ khi người đàn ông vươn vai kéo gọng vó lên làm phiền nó hết sức, cả cách ông lơ đãng chẳng thèm nhìn đám tôm cá quỳnh lên trong lưới “Phải mình, mình sẽ coi có con cá lạ nào lạc vô không” (Tiểu tụy vòng quanh)*. Cái nhìn hời hợt, hờ hững và bất cần của hai cha con trong tác phẩm như một tấm gương phản chiếu thứ dịch vụ du lịch tẻ nhạt, đầy rẫy sự giả tạo, ở đó, người ta không cảm được tình người và những giá trị cốt lõi của văn minh sông nước.

Những đặc tính cơ bản của sông nước cũng thay đổi dữ dội theo thời gian bởi nền kinh tế thị trường, khi con người chạy theo lợi ích nhất thời mà bức tử các dòng sông: “*Sông, thấy mệnh mỏng mà dễ giết. Người ta ước tính làm một dòng sông cạn còn dễ hơn làm một con đường” (Sông)*. Con người ngày nay đã đánh mất niềm kính trọng đối với tự nhiên, với Mẫu Thoài. Thay vào đó là sự trục lợi triệt để, bòn rút, thậm chí xúc phạm nghiêm trọng đến huyết mạch của sự sống: “*Ngoài sông, những chiếc xà lan vẫn chài đi xát lại làm xây xước mặt nước, vẫn kêu rú khoái trá, tục tằn, man rợ khi sục những cái vòi vào thân thể sông, hút mòn xương máu nó. Làm xói lở bờ bên cuối cùng, lấy đi của tôi những thương yêu cuối cùng” (Khói trời lộng lẫy)*. Và đã đến lúc chúng ta phải trả giá. Tình trạng nạo vét kiệt cùng lòng sông để phục vụ quá trình đô thị hóa không chỉ hủy hoại chính con sông mà còn hủy diệt cả cuộc sống hai bên bờ sông. Những dòng chảy đang bị ngăn chận vì một mục đích mờ ám nào đó, rồi có lúc sẽ “*tính số*” với những kẻ thù ác: “*Người ta nói rằng sông Di nguyên rửa những kẻ chần dòng của nó, không khánh kiệt thì cũng chết oan uổng đầu đờ” (Sông)*. Lời cảnh báo ấy, hay nói đúng hơn là một tín ngưỡng dân gian mà còn được phát biểu bởi sự thấu suốt quy luật nhân – quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Điều, T. P. (2006). *Thị hiếu thẩm mỹ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, <https://vnexpress.net/giai-tri/thi-hieu-tham-my-trong-truyen-ngan-nguyen-ngoc-tu-1974135.html>, truy cập ngày 18/08/2019.

Minh, K. Q. (Chủ biên) (2015). *Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về quản lý rủi ro thiên tai và các hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu*. Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.

Khê, T. (2006). *Không gian sông nước trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư*,

Nhìn chung, đối tượng trong văn chương không phải lúc nào cũng toàn mỹ, cái đẹp chỉ thực sự hoàn thiện khi nó bước ra từ hiện thực cuộc sống với đầy đủ mọi phương diện. Sông nước trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng không ngoại lệ, chúng được tái hiện với tất cả vẻ đẹp cùng những tổn thương. Nếu như nhiều nhà văn đã cất lên tiếng nói bảo vệ môi sinh, ngăn chặn tình cảnh *rừng khô, suối cạn* và *biển độc* thì Nguyễn Ngọc Tư, bằng những sáng tác của mình, đã góp thêm tiếng nói trên hành trình làm sạch sông nước nơi hạ nguồn.

### 3. KẾT LUẬN

Sông nước đã đi vào mọi mặt đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người dân ĐBSCL, góp phần hình thành những nét tính cách đặc thù của cư dân vùng đất Chín Rồng. Nguyễn Ngọc Tư đã rất nhạy bén trong việc phát hiện và ghi nhận vẻ đẹp trù phú, tươi đẹp của sông nước, đồng thời, truyền đi tiếng kêu cứu cấp thiết của những dòng sông trước sự tác động tiêu cực của con người. Chẳng gì có thể cứu lấy con người khi chính chúng ta đang tự cắt đứt sợi dây liên kết với tự nhiên bằng những hành động vô tình lẫn hữu ý. Thực tế cho thấy, để phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển thủy lợi gắn với giao thông, giúp ĐBSCL theo kịp với sự phát triển so với cả nước, mà vẫn giữ được vẻ đẹp nguyên sơ thì những biện pháp, chính sách mang tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước vẫn đang được tìm kiếm, thử nghiệm. Trên hành trình đó, văn chương vẫn không ngừng giúp con người tự phản tỉnh ý thức về môi trường tự nhiên nhằm lưu giữ bền vững những giá trị môi sinh vốn có cũng như những nét đẹp văn hóa tinh thần. Bằng những trang văn đẹp đẽ mà chân thực đến từng sợi tóc của mình, Nguyễn Ngọc Tư vẫn miệt mài lên tiếng để bảo tồn và phát triển văn minh sông nước nói chung và sông nước Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

<http://thuykhue.free.fr/stt/n/ NguyenNgocTu.html>, truy cập ngày 18/08/2019.

Nam, S. (1985). *Đồng Bằng Sông Cửu Long – Nét Sinh Hoạt Xưa và Văn Minh Miệt Vườn*. Nhà xuất bản Trẻ TP. Hồ Chí Minh.

Nam, S. (1997). *Cá tính miền Nam*. Nhà xuất bản Trẻ TP. Hồ Chí Minh.

Nguyệt, T. T. A., Oanh, L. L. (2016). *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

- Nguyễn, N. T. (2011). *Văn minh sông Cửu Long – một cấu trúc mới của văn minh sông nước*, website của Đại học KHXH&NV-Văn hóa học, đăng 26.1.2011.
- Thêm, T. N. (2012). *Những vấn đề văn hóa học, lý luận và ứng dụng*. Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thy, N. T. T. (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc và văn chương*. Nhà xuất bản Đại học Khoa học xã hội.
- Tur, N. N. (2000). *Ngọn đèn không tắt*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2003). *Giao thừa*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2005). *Cánh đồng bất tận*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2006). *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2008). *Gió lè và 9 câu chuyện khác*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2009). *Yêu người ngóng núi*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2010). *Khói trời lộng lẫy*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2012). *Gáy người thì lạnh*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2012). *Sông*. Nhà xuất bản trẻ.
- Tur, N. N. (2015). *Đong tâm lòng*. Nhà xuất bản Trẻ.
- Tur, N. N. (2016). *Không ai qua sông*. Nhà xuất bản Trẻ.